TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST
Ngày: 28/6/2022.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huấn.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hằng;
Bà Pang Ting Suyl.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Ksát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Ksát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 75/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ cH ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1970, bà Vũ Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đa N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ cH ông Bùi Văn V, sinh năm 1982, bà Nguyễn Thị Kiểm, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Bùi Văn V ủy quyền bà Nguyễn Thị Ktham gia tố tụng. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 30/5/2022.

(ông L, bà H, bà Kcó mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn vợ cH ông L, bà H thì: Xuất phát từ việc có mối quan hệ quen biết với nhau nên vợ cH ông bà có cho vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kvay tiền. Từ năm 2018 đến năm 2021, vợ cH ông bà đã nhiều lần cho ông V, bà Kvay tiền, mục đích vay tiền là để ông V, bà Kxây nhà. Đến ngày 26/7/2021 vợ cH ông bà và ông V, bà Kthỏa thuận thống nhất cộng các khoản nợ của ông V, bà Ktừ năm 2018 đến ngày 26/7/2021 thành số tiền là 977.454.000đ. Ông V, bà Kcó lập một

giấy vay tiền ngày 26/7/2021 có chữ ký xác nhận của vợ cH ông V, bà Kiểm, thỏa thuận miệng lãi suất là 01%/tháng, thời hạn vay đến tháng 10/2021 ông V, bà Ksẽ trả tiền gốc và tiền lãi cho vợ cH ông bà. Sau đó vợ cH ông V, bà Kđã trả được 4 tháng tiền lãi, cụ thể vào các ngày 25/9/2021, 28/10/2021, 28/11/2021 và 29/12/2021. Số tiền lãi mỗi tháng là 9.280.000đ, tổng số tiền lãi ông V, bà Kđã trả cho vợ cH ông bà là 37.120.000đ.

Ngoài ra vợ cH ông V, bà Kcòn mua thiếu của vợ cH ông bà phân bón cụ thể: Ngày 04/02/2021 mua 400kg phân NPK Bình Điền, đơn giá 7.500đồng/kg, thành tiền là 3.000.000đ; mua 400kg phân NPK Voi trắng, đơn giá 8.500đồng/kg, thành tiền là 3.400.000đ. Ngày 26/5/2021 mua 01 tấn phân NPK Bình Điền, đơn giá 11.500đồng/kg, thành tiền 11.500.000đ; mua 300kg phân NPK USA, đơn giá 11.800đồng/kg, thành tiền 3.540.000đ.

Tổng số tiền phân bón ông V, bà Knợ vợ cH ông bà là 21.440.000đ. Ông V, bà Kcam kết đến tháng 10/2021 sẽ trả hết số tiền trên cho vợ cH ông bà, ông V có ký tên vào giấy tính tiền phân bón ngày 04/02/2021 và ngày 26/5/2021.

Đến hạn trả nợ vợ cH ông bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ cH ông V, bà Kluôn khất lần, lẩn tránh, lấy nhiều lý do để trốn tránh việc trả nợ. Do đó, vợ cH ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ cH ông V, bà Kphải trả cho vợ cH ông bà số tiền nợ gốc là 977.454.000đ và nợ phân bón số tiền là 21.440.000đ. Tổng cộng là 998.894.000đ và lãi suất 01% cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tuy nhiên, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành đối chất, hòa giải, sau khi hai bên đối chiếu lại sổ sách và công nợ với nhau thì vợ cH ông V, bà Kcòn nợ vợ cH ông bà số tiền nợ gốc và tiền phân bón tổng cộng là 798.882.000đ. Do vậy, vợ cH ông bà thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ cH ông V, bà Kphải trả cho vợ cH ông bà số tiền nợ vay và tiền mua phân bón là 798.882.000đ. Đồng thời, yêu cầu vợ cH ông V, bà Kcòn phải chịu lãi trên số nợ gốc mà hai bên đã thống nhất với nhau ngày 08/6/2022 là 539.742.000đ x 1,6% x 20 ngày (từ ngày 08/6/2022 đến ngày xét xử 28/6/2022) = 5.757.000đ tiền lãi. Tổng cộng các khoản vợ cH ông bà yêu cầu ông V bà Kphải trả là 804.639.000đ. Ngoài ra ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Theo đơn trình bày và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa của bị đơn bà Nguyễn Thị Kthì: Vào năm 2018 vợ cH bà có vay nhiều lần tiền của ông L, bà H, việc vay tiền hai bên có ghi vào sổ vay với bà H. Số tiền vay năm 2018 là 483.630.000đ và tiền mua phân bón là 34.453.000đ, tổng cộng năm 2018 vợ cH bà nợ bà H số tiền là 517.783.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 02%/tháng. Trong năm 2018, vợ cH bà trả được cho bà H số tiền là 132.400.000đ (lần 1 trả 130.000.000đ và lần 2 trả 2.400.000đ), số tiền còn nợ lại trong năm 2018 là 358.383.000đ.

Năm 2019 vợ cH bà vay của vợ cH ông L, bà H số tiền 33.978.000đ (nợ năm 2018 là 385.383.000đ + 33.978.000đ nợ năm 2019 = 419.361.000đ), thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng; trong năm 2019 vợ cH bà trả cho ông L, bà H số tiền 52.519.000đ, số tiền còn nợ lại là 366.842.000đ.

Năm 2020, vợ cH bà vay của ông L, bà H số tiền 42.900.000đ, thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng; lấy số tiền nợ của năm 2018, 2019 là 366.842.000đ + 42.900.000đ tiền vay năm 2020 = 409.742.000đ.

Năm 2021, vợ cH bà có mua phân bón của vợ cH ông L, bà H và còn nợ lại số tiền là 21.441.000đ.

Tổng số nợ vợ cH bà nợ ông L, bà H tính đến năm 2021 cả tiền vay và tiền mua phân bón là 431.183.000đ. Đến ngày 26/7/2021, vợ cH bà trả cho bà H số tiền 158.000.000đ, còn nợ lại 273.183.000đ; năm 2020 vợ cH bà trả tiếp số tiền là 37.120.000đ. Nay vợ cH bà còn nợ lại vợ cH ông L, bà H số tiền gốc là 236.063.000đ và tiền lãi từ năm 2018 cho đến nay. Nay vợ cH ông L, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ cH bà phải trả số tiền 977.454.000đ thì vợ cH bà không đồng ý trả.

Tuy nhiên, sau khi hai bên ngồi lại để đối chiếu công nợ với nhau thì bà xác định vợ cH bà còn nợ vợ cH ông L, bà H số tiền là 798.882.000đ, nhưng trong năm 2018 vợ cH bà đã trả được cho vợ cH ông L, bà H số tiền 130.000.000đ tiền gốc nên bà đề nghị trừ đi cho vợ cH bà. Tính đến ngày xét xử thì vợ cH bà chỉ đồng ý trả cho vợ cH ông L, bà H tổng cộng các khoản là 507.683.000đ. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải các đương sự đã thống nhất được với nhau, Tòa án lập biên bản hòa giải thành thì bị đơn tự ý bỏ về không ký vào biên bản nên hòa giải không thành. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kphải trả cho vợ cH ông bà tổng cộng các khoản là 804.639.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kchỉ đồng ý trả cho vợ cH ông L, bà H tổng cộng các khoản với số tiền là 507.683.000đ.

Đại diện Viện Ksát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các bên đương sự cũng như phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản" với vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kiểm. Buộc vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kphải trả cho vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H số tiền 798.882.000đ + 5.757.000đ = 804.639.000đ.

Về án phí: Bị đơn vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kphải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn có nộp đơn xin miễn giảm tiền án phí do kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn một phần án phí cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Ksát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ việc vợ cH ông V, bà Kcó vay tiền và nợ tiền mua phân bón của vợ cH ông L, bà H nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Vợ cH ông L, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ cH ông V, bà Kphải trả tiền nợ vay và tiền nợ mua phân bón. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung tranh chấp*:

[2.1]. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền (BL 04) và giấy ghi mua phân bón (BL 05) do nguyên đơn vợ cH ông L, bà H xuất trình cho Tòa án thể hiện vào ngày 26/7/2021 vợ cH ông V, bà Kcó vay của vợ cH ông L, bà H số tiền là 977.454.000đ, khi vay hai bên hẹn đến tháng 10/2021 vợ cH ông V, bà Ksẽ đưa cho vợ cH ông L, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến hẹn mà chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ viết lại giấy vay tiền khác, trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn vợ cH ông L, bà H xác định theo giấy vay tiền ngày 26/7/2021 thì vợ cH ông bà có cho vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kvay tiền từ năm 2018 đến năm 2021, vợ cH ông bà đã nhiều lần cho ông V, bà Kvay tiền, mục đích vay tiền là để ông V, bà Kxây nhà. Đến ngày 26/7/2021 vợ cH ông bà và ông V, bà Kthỏa thuận thống nhất cộng các khoản nợ của ông V, bà Ktừ năm 2018 đến ngày 26/7/2021 thành số tiền là 977.454.000đ. Ông V, bà Kcó lập một giấy vay tiền ngày 26/7/2021 có chữ ký xác nhận của vợ cH ông V, bà Kiểm, thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng, thời hạn vay đến tháng 10/2021 ông V, bà Ksẽ trả tiền gốc và tiền lãi cho vợ cH ông L, bà bà H. Sau khi viết giấy vay tiền thì vợ cH ông V, bà Kđã trả được 4 tháng tiền lãi, cụ thể vào các ngày 25/9/2021, 28/10/2021, 28/11/2021 và 29/12/2021, số tiền lãi mỗi tháng là 9.280.000đ, tổng số tiền lãi ông V, bà Kđã trả cho vợ cH ông bà là 37.120.000đ. Ngoài ra vợ cH ông V, bà Kcòn mua thiếu phân bón của vợ cH ông L, bà H với số tiền còn nợ lại là 21.440.000đ. Ông V, bà Kcam kết đến tháng 10/2021 sẽ trả hết số tiền trên cho vợ cH ông bà, ông V có ký tên vào giấy tính tiền phân bón ngày 04/02/2021 và ngày 26/5/2021.

[2.3]. Tại đơn trình bày, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kxác nhận vợ cH bà có vay tiền nhiều lần và mua phân bón của vợ cH ông L, bà H từ năm 2018 đến năm 2021. Đến ngày 26/7/2021 vợ cH ông L, bà H ép bà viết giấy nhận nợ vào thành số tiền là 977.454.000đ .

[2.4]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối chất và tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2022 thì phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định sau khi hai bên đối chiếu lại sổ sách và công nợ lại với nhau về tiền vay, tiền lãi và tiền mua phân bón thì vợ cH ông V, bà Kcòn nợ lại vợ cH ông L, bà H tổng số tiền là 798.882.000đ. Cụ thể như sau:

- Số tiền vay năm 2018 là 483.630.000đ và tiền mua phân bón là 34.453.000đ, tổng cộng năm 2018 vợ cH ông V, bà Knợ vợ cH ông L, bà H số tiền là 517.783.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, trong năm 2018 vợ cH ông V, bà Ktrả được cho vợ cH ông L, bà H số tiền là 2.400.000đ, số tiền còn nợ lại trong năm 2018 là 515.383.000đ.

- Năm 2019 vợ cH ông V, bà Kvay của vợ cH ông L, bà H số tiền cụ thể: Ngày 02/02/2019 vay 5.000.000đ, ngày 01/3/2019 vay 12.000.000đ, ngày 14/3/2019 vay 10.000.000đ, ngày 11/6/2019 vay số tiền 6.978.000đ. Tổng cộng là 33.978.000đ, trong năm 2019 vợ cH ông V, bà Ktrả được cho ông L, bà H số tiền 45.878.000đ, còn lại số tiền trả dư là 11.900.000đ. Như vậy trừ số tiền trả dư vào số tiền còn nợ lại năm 2018 là 515.383.000đ – 11.900.000đ = 503.483.000đ.

- Năm 2020 vợ cH ông V, bà Kvay số tiền cụ thể: Ngày 05/3/2020 vay 10.000.000đ; ngày 17/4/2020 vay 1.700.000đ, ngày 06/7/2020 vay 10.000.000đ; ngày 17/7/2020 vay 1.200.000đ; ngày 09/7/2020 vay 10.000.000đ; ngày 07/8/2020 vay 10.000.000đ. Tổng cộng: 42.900.000đ, trong năm 2020 vợ cH ông V, bà Ktrả được cho vợ cH ông L, bà H được số tiền 6.641.000đ. Còn lại số nợ trong năm 2020 là 36.259.000đ.

- Đến ngày 26/7/2021 vợ cH ông V, bà Ktrả được cho vợ cH ông L, bà H số tiền 158.000.000đ tiền gốc; ngày 29/12/2021 vợ cH ông V, bà Kđã trả được cho vợ cH ông L, bà H số tiền lãi 37.120.000đ.

- Tiền lãi năm 2018 đối với số tiền 503.483.000đ (503.483.000đ x 52 tháng x 1,6%) = 418.897.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi năm 2018 là 922.380.000đ.

- Tiền lãi năm 2020 đối với số tiền 36.259.000đ (36.259.000đ x 24 tháng x 1,6%) = 13.923.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi năm 2020 là 50.182.000đ.

Tổng cộng tiền gốc và lãi năm 2018 và năm 2020 là: 972.562.000đ

Như vậy, trừ đi số tiền vợ cH ông V, bà Kđã trả cho vợ cH ông L, bà H vào tiền nợ gốc và lãi cụ thể là 972.562.000đ – 195.120.000đ (158.000.000đ + 37.120.000đ = 777.442.000đ và tiền phân bón là 21.440.000đ. Tổng cộng là 798.882.000đ.

Quá trình hòa giải thì bà Kthừa nhận và đồng ý trả cho vợ cH ông L, bà H số tiền là 798.882.000đ. Tuy nhiên, bà Kkhông ký vào biên bản.

[2.5]. Tại phiên tòa hôm nay bà Kcho rằng trong số tiền hai bên chốt lại với nhau là 798.882.000đ thì bà H chưa trừ khoản 130.000.000đ mà bà đã trả theo chứng cứ bà H nộp tại phiên tòa ghi là "trừ 130.000.000đ. Còn bà H cho rằng số tiền 130.000.000đ bà ghi trừ đi là do trước đó ông V, bà Kthống nhất trả cho bà 01

lô đất tương ứng với số tiền này để trừ một phần nợ, nhưng sau đó bà H được biết giấy chứng nhận của lô đất này vợ cH ông V, bà Kđang thế chấp Ngân hàng nên bà không lấy đất nữa nên thực tế là không có trừ số tiền 130.000.000đ. Đồng thời, chứng cứ do bà H xuất trình tại phiên tòa thể hiện "trả lại 130.000.000đ không lấy đất nhà ở" phía dưới có chữ ký và chữ viết của vợ cH ông V, bà Kiểm. Bên cạnh đó quá trình làm việc tại tòa án thì bà Kcũng thừa nhận số tiền 130.000.000đ là tiền đất. Tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận hai bên chưa chuyển nhượng lô đất nào để cấn trừ nợ. Do đó việc bà Kcho rằng đã trả cho bà H số tiền 130.000.000đ là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.6]. Từ những phân tích nhận định nêu trên căn cứ vào giấy vay tiền và giấy mua bán phân bón do nguyên đơn xuất trình cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đã có đủ cơ sở khẳng định hiện nay vợ cH ông V, bà Kcòn nợ vợ cH ông L, bà H số tiền gốc là 539.742.000đ (503.483.000đ +36.259.000đ), tiền lãi là 423.820.000đ (418.897.000đ + 13.923.000đ) và tiền phân bón 21.440.000đ = 798.882.000đ. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,6%/tháng và bị đơn không phản đối và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn còn yêu cầu phía bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi với mức lãi suất 1.6%tháng kể từ ngày Tòa án hòa giải 08/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2022 trên số tiền nợ gốc 539.742.000đ x 1,6% x 20 ngày = 5.757.000đ, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Như vậy, cần buộc vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kphải trả cho vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H tổng cộng các khoản với số tiền là 804.639.000đ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H nên buộc bị đơn vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kphải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 804.639.000đ = 36.139.170đ (800.000.000đ = 36.000.000đ phần vượt quá 800.000.000đ x 03%). Tuy nhiên, vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kcó đơn xin miễn án phí do điều kiện kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn ½ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kiểm. Vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kcòn phải nộp 18.069.500đ (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Chấp nhận đơn khởi kiện của vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"* với vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kiểm.

Buộc vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kphải có nghĩa vụ trả cho vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H số tiền là 804.639.000đ (*Tám trăm lẻ bốn triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2/. Về án phí: Buộc vợ cH ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị Kphải chịu 18.069.500đ (*Mười tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ cH ông Nguyễn Minh L, bà Vũ Thị H 22.033.000đ (*Hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003067 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2022) nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huấn

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Khuất Thị Minh Hiền - Thạch Thị Lan Nhung Trần Minh Huấn